

Số: 34 /2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ
Khoa học và Công nghệ quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và
công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2017/TT-
BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 778/TTr-KHCN
ngày 14 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB, Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KGVX, Hải (100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thủy



QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ

khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

*(ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này qui định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, tiềm năng cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

3. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét đặt hàng.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng giao cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
- b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh;
- c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bao gồm:

- a) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- b) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- c) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- d) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 4. Căn cứ để xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Căn cứ yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn của tỉnh.
3. Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ 05 năm của tỉnh từng giai đoạn.
4. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định đề xuất đặt hàng trong phạm vi được giao quản lý.
2. Việc xác định đề xuất đặt hàng của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao quản lý phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện.
3. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.
4. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các đơn vị, tổ chức, cá nhân cam kết sử dụng khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.
5. Có yêu cầu thời gian phù hợp tùy theo nhiệm vụ (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng

1. Sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo những căn cứ tại Điều 4 Quy định này gửi đề xuất đặt hàng cần thực hiện trong năm kế hoạch, thời gian theo thông báo về Sở Khoa học và Công nghệ.
2. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo trình tự qui định tại Chương III của Quy định này.
3. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và tổ chức họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là hội đồng *ktf*

hoặc hội đồng tư vấn) theo các qui định tại Chương IV của Qui định này để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng và giao Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai để tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp.

Chương II YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 7. Yêu cầu đối với đề tài, dự án

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi tỉnh.

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (*nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính*) của tỉnh hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (*sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ*) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng, vật nuôi.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra có ý

nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội của tỉnh.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở qui mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở qui mô sản xuất hàng loạt.

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết, hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

Điều 8. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

3. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

4. Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, có thời gian thực hiện không quá 4 năm.

Chương III

TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

Điều 10. Định hướng đề xuất đặt hàng

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, sở Khoa học và Công nghệ xây dựng định hướng nghiên cứu. Định kỳ hoặc đột suất, sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn thực hiện để các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ. *[Handwritten mark]*

Điều 11. Tổng hợp xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo các mẫu ban hành kèm theo Quy định này: đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu A1-ĐXNV; dự án theo Mẫu A2-ĐXNV; dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu A3-ĐXNV.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố tổng hợp đề xuất đặt hàng của tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý và lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng cơ sở xác định nhiệm vụ đặt hàng trước khi gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Phiếu Đề xuất đặt hàng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ theo các mẫu quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 12. Nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các điều 7, 8, 9 Quy định này.

2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

b) Đối với đề tài khác: Các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác;

c) Đối với dự án: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và qui mô sản xuất thử nghiệm;

d) Đối với đề án khoa học: các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác;

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

Điều 13. Thành lập hội đồng tư vấn

Theo tiến độ tiếp nhận đề xuất đặt hàng, giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và

công nghệ. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 14. Thành phần hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có từ 07 - 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực. Trong đó có 01 thành viên là ủy viên thư ký và 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nội dung của đề xuất đặt hàng quyết định số lượng thành viên của hội đồng phù hợp với qui định Khoản 1 của Điều này.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể đề nghị số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại các Khoản 1 và 2 của Điều này.

Điều 15. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện và thư ký hội đồng. Trường hợp đặc biệt không tổ chức phiên họp hội đồng, các thành viên Hội đồng gửi phiếu nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo Qui định này: Mẫu B1-TVHĐ đối với đề tài, dự án; Mẫu B2-TVHĐ đối với đề án khoa học; Mẫu B3-TVHĐ đối với dự án khoa học và công nghệ.

b) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng.

3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng. Tài liệu gồm:

a) Đề xuất đặt hàng và ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn sơ sở (nếu có);

b) Trích lục yêu cầu qui định tại các điều 7, 8, 9 và 12 của qui định này;

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại Khoản 2 Điều này.

d) Kết quả tra cứu thông tin của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức đề tài, dự án theo Mẫu C0-TCTT ban hành kèm theo Qui định này;

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi 2/3 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu kín.

5. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

6. Thư ký hội đồng chuẩn bị tài liệu và đề xuất tổ chức các phiên họp của hội đồng.

Điều 16. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng

1. Thư ký hội đồng công bố quyết định thành lập hội đồng.

2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.

3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

4. Thư ký hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng.

5. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng.

6. Các chuyên gia phản biện và hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ qui định tại các điều 17, 18 và 19 của Qui định này.

7. Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu ban hành kèm theo Qui định này: Mẫu B1-TVHĐ đối với đề tài, dự án; Mẫu B2-TVHĐ đối với đề án khoa học; Mẫu B3-TVHĐ đối với dự án khoa học. Đồng thời các thành viên hội đồng tổng hợp vào phiếu Mẫu B4-PĐGTV.

Đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “không đạt yêu cầu”.

8. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng theo Mẫu C1-BBKP ban hành kèm theo Qui định này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của hội đồng.

9. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện”, các chuyên gia phản biện trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định tại Điều 12 Qui định này.

10. Đối với đề tài, dự án, đề án khoa học và dự án khoa học công nghệ đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

11. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “không thực hiện” hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện theo Mẫu C3-KQĐG ban hành kèm theo qui định này.

12. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước qui định tại các khoản 7, 8, 9 và 11 Điều này và xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

13. Thư ký hội đồng lập biên bản làm việc của hội đồng theo Mẫu C2-BBHD ban hành kèm theo Qui định này.

Điều 17. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề tài, dự án

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án trong đề xuất đặt hàng.
2. Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.
3. Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.
4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh cho việc thực hiện đề tài, dự án.
5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án.

Điều 18. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề án khoa học

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.
2. Tính liên ngành, liên vùng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng.
3. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề án khoa học.

Điều 19. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định dự án khoa học và công nghệ

Các chuyên gia phản biện và hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của tỉnh.

2. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.

3. Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

Điều 20. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng, sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại các điều 7, 8, 9 Quy định này. Trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước hoặc ý kiến tư vấn của các cơ quan có liên quan để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phê duyệt, sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với những nhiệm vụ đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh để các tổ chức và cá nhân biết.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của UBND tỉnh Quy định Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh có thể vận dụng Quy định này để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, nghiên cứu, đề nghị sửa đổi bổ sung. / .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thủy

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2020/ QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

1. Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:
 - **Mẫu A1-ĐXNV:** Đề tài KH&CN hoặc đề án khoa học.
 - **Mẫu A2-ĐXNV:** Dự án sản xuất thử nghiệm.
 - **Mẫu A3-ĐXNV:** Dự án khoa học và công nghệ.
2. Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng.
 - **Mẫu B1-TVHĐ:** Đề tài/Dự án SXTN.
 - **Mẫu B2-TVHĐ:** Đề án khoa học.
 - **Mẫu B3-TVHĐ:** Dự án khoa học và công nghệ.
 - **Mẫu B4- PDGTV:** Phiếu đánh giá chung thành viên hội đồng.
3. **Mẫu C0-TCTT:** Kết quả tra cứu thông tin về các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện.
4. **Mẫu C1-BBKP:** Kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
5. **Mẫu C2-BBHD:** Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cấp tỉnh.
6. **Mẫu C3-KQĐG:** Kết quả đánh giá đề xuất đặt hàng của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
7. **Mẫu C4-TH:** Tổng hợp kiến nghị của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.



**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**
(Dùng cho đề tài hoặc đề án)

1. Tên Đề tài/Đề án:

2. Căn cứ đề xuất (*giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 4 của Quyết định /2020/QĐ-UBND Quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước*):

3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v...

4. Mục tiêu:

5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:

7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả nghiên cứu tạo ra:

8. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:

9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

Cơ quan, đơn vị (*Tổ chức, cá nhân*) cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

..., ngày ... tháng... năm 20.....

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ; TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**
(Dùng cho dự án SXTN)

1. Tên dự án SXTN:
2. Xuất xứ hình thành: (từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài... có khả năng ứng dụng)
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v...:
4. Mục tiêu:
5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả:
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
7. Nhu cầu thị trường: (Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)
8. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
9. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra: (Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)
11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

Cơ quan, đơn vị (Tổ chức, cá nhân) cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

..., ngày ... tháng... năm 20.....

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ; TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và đóng dấu)

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
 KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**
(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)

1. Tên dự án khoa học và công nghệ (KH&CN):
 2. Xuất xứ hình thành: *(nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*
 3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...:
 4. Mục tiêu:
 5. Nội dung KH&CN chủ yếu: *(mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một đề tài, hoặc dự án SXTN)*
 6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:
 7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
 8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
 9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
 10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
 11. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*
 12. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:
 - 12.1 Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(cần làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*
 - 12.2 Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*
- Cơ quan, đơn vị (*Tổ chức, cá nhân*) cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

..., ngày ... tháng... năm 20.....

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ; TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và đóng dấu)

